

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-PT
Ngày: 10-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2018/HSPT ngày 21 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn Hồng T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2018/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn Hồng T (T Đầu Lép). Sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: xxB, khu phố x, phường K, Thành phố T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944; tiền án: Có 02 tiền án. Tại Bản án số 144/2013/HSPT ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tại Bản án số 122/2016/HSPT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/11/2017. Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Hữu L (L Ma). Sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/11/2017. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Hồng T và Nguyễn Hữu L là bạn bè nhau. Khoảng 08 giờ ngày 08/11/2017, T từ Thành phố T đến nhà của L ở ấp B, xã P, huyện Đ chơi và ra chòi cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Vì nhà L và nhà của bà Bùi Thị Ngọc Á, sinh năm 1971 chỉ cách nhau hàng rào lưới B40, nên thời gian và mọi sinh hoạt của gia đình bà Á đều được L nắm bắt. Biết gia đình bà Á không có ai ở nhà nên L và T đã bàn bạc, rủ nhau đột nhập nhà của bà Á để trộm cắp tài sản tiêu xài cá nhân. Trước khi đi, L dùng cây móc lấy đôi tất (vớ) nữ ở nhà bà Á; lấy một cái nón vải, một cái áo thun và một quần jean lưng ngang gối màu xanh ở trong nhà L đưa cho T mặc, còn L mặc áo thun tay ngắn, quần Jean màu đen. Sau đó, L dùng tay kéo chân lưới B40 để cả hai chui qua từ phía sau nhà bà Á đi đến cửa sau. Khi vào nhà cả hai cùng tháo hết cầu chì trong nhà để ngắt điện. Tiếp đến, L lấy một cái áo khoác và cái nón vải gần cửa sổ mặc vào, còn T lấy cái đèn pin, đi đến phòng ngủ đầu tiên, kéo ngăn thứ hai của tủ quần áo ra phát hiện 01 bóp nữ, bên trong có tiền, T liền lấy tiền đưa cho L cất giữ. Sau đó, T lấy một chùm chìa khóa ở trong phòng, L lấy chùm chìa khóa ở phòng khách đi qua phòng còn lại tiếp tục tìm tài sản. T dùng chìa khóa mở cửa phòng rồi cả hai đi đến giường hộp mở cửa tủ nhưng không được nên T kêu L đi ra lấy con dao mũi bằng mang vào lúc đầu đưa T cạy ổ khóa ra thì phát hiện bên trong có hai cọc tiền; một túi vải đỏ, bên trong có một chiếc lắc đeo tay bằng vàng 18k, một cái hộp màu hồng bên trong có 02 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, T lấy và đưa cho L cất giữ. Sau đó, T phát hiện trên bàn có một cái laptop màu đen hiệu DELL nên cầm lấy trên tay rồi cả hai đi lại nhà sau. T dùng tay kéo cong thanh ngang cửa sổ, L lấy nước đổ xuống nền nhà và dùng chân giẫm lên nhằm tạo hiện trường giả. Xong cả hai đi ra cửa sau, L lấy ba đôi dép ở bậc tam cấp ôm trên người rồi tẩu thoát theo đường cũ về chòi. Tại chòi, T thay áo đã mặc ra trả L, L đưa lại tài sản đã trộm cho T cất giữ, rồi dẫn xe ra đưa cho T. T đưa cho L số tiền 1.300.000 đồng rồi chạy xe về. Sau khi T ra về, L lấy quần áo, nón, khẩu trang, dép, đèn pin mà cả hai đã mặc và lấy trộm từ nhà bà Á đem chôn ở vườn

chuối sau nhà. Đến ngày 09/11/2017, L lên Thành phố T gặp T, được T chia thêm 2.000.000 đồng rồi bỏ trốn lên Thành phố M. Ngày 10/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại bắt được Trần Văn Hồng T. Đến ngày 16/11/2017, L cũng bị bắt giữ.

Quá trình điều tra xác định số tài sản mà bà Bùi Thị Ngọc Á bị mất trộm gồm: Tiền đựng trong cái bóp nữ cất trong tủ quần áo là 4.820.000 đồng, tiền để trong tủ giường hộp gồm 6.400.000 đồng là tiền học sinh đóng Bảo hiểm y tế và 29.730.000 đồng tiền vay ngân hàng Sacombank, hai chiếc nhẫn trơn vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 tấm lắc vàng 18k trọng lượng 03 chỉ, 01 cái laptop màu đen hiệu DELL.

* Tại biên bản định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 13/11/2017 của Hội đồng định giá huyện Bình Đại kết luận:

- Hai chiếc nhẫn, loại nhẫn trơn bằng vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ có giá trị 13.852.000 đồng.

- 01 chiếc lắc có hoa văn bằng vàng 18k trọng lượng 03 chỉ có giá 7.653.000 đồng.

- 01 cái laptop hiệu Dell Inspiron 14 – V56902-3420, màu đen có giá trị còn lại là 2.020.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản gồm tiền, vàng và laptop mà Trần Văn Hồng T và Nguyễn Hữu L chiếm đoạt của bà Á là 64.475.000 đồng.

Ngày 05/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại đã tiến hành thực nghiệm điều tra hành vi của T và L. Kết quả thực nghiệm đã thu giữ được các chứng cứ cụ thể là:

- + Một đôi dép da màu nâu, trên dép có ghi chữ BUTA.
- + Một đôi dép nhựa, quai kẹp màu đen.
- + Một đôi dép nhựa, quai màu xanh, đế dép màu trắng.
- + Một đôi dép nhựa màu xanh, quai dép sọc trắng xanh, trên dép có chữ JINGZU.

- + Một cái đèn pin có dây đeo trên đầu dạng dây thun, đèn và dây có màu đen.

- + Một cái nón vải có nhiều hoa văn màu trắng, vàng, đen.

- + Một cái nón màu đen, trên nón có chữ ZALO.

- + Một cái khẩu trang màu xám.

- + Một cái quần Jean màu xanh dạng quần lửng ngang gối.

+ Một cái áo thun tay dài màu xanh hiệu CHEVROLET, phía sau có in số 9.

+ Một cái áo khoác tay dài màu xanh, đỏ, trắng, bên trong có ghi chữ USA.

+ Một đôi tất (vớ) màu hồng có nhiều hoa văn.

+ Một cái áo thun ba lỗ màu đen.

Hiện tại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại đã trả cho bà Bùi Thị Ngọc Á 01 cái laptop màu đen hiệu DELL, 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ. Trả cho Trần Văn Hồng T thông qua mẹ ruột của T số tiền 1.200.000 đồng và 01 cái điện thoại di động Iphone màu trắng. Trả cho Kiều Lê Nhật Tân số tiền 1.000.000 đồng, trả cho Phạm Trọng Nhân một xe mô tô biển số 71FK-4566. Do các tài sản này không liên quan đến việc phạm tội.

Bị cáo T đã tác động người thân bồi thường cho bị hại số tiền 55.529.000 đồng, gia đình bị hại đã nhận đủ.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 12-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Hồng T và Nguyễn Hữu L phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Văn Hồng T 02 (hai) năm 06 (tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2017;

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2017;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 26/02/2018 các bị cáo Trần Văn Hồng T và Nguyễn Hữu L kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Kiểm sát viên cho rằng kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên đã tuyên phạt bị cáo Trần Văn Hồng T

02 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Hữu L 02 năm tù, xét thấy tương xứng. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; Điều 20; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Văn Hồng T 02 (hai) năm 06 (tháng) tù; Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 20; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 02 (hai) năm tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Lời nói sau cùng bị cáo T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 08 giờ ngày 08/11/2017, lợi dụng lúc gia đình bà Bùi Thị Ngọc Á không có ai ở nhà, Trần Văn Hồng T và Nguyễn Hữu L cùng nhau lẻn lút đột nhập vào nhà của bà Á chiếm đoạt số tiền 40.950.000 đồng; 02 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc lắc bằng vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ và một cái laptop hiệu DELL. Tổng giá trị tài sản mà T và L đã chiếm đoạt của bà Á là 64.475.000 đồng.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, nhân thân của bị cáo T, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trần Văn Hồng T, Nguyễn Hữu L phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo điều, điểm, khoản mà Bản án sơ thẩm đã viện dẫn đối với mỗi bị cáo là có cơ sở phù hợp luật định.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường cho người bị hại. Bị cáo L có cậu ruột là liệt sĩ; bị hại yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo bị cáo T có nhân thân xấu. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt tù: bị cáo T cho rằng có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có mẹ già yếu (74 tuổi) cần chăm sóc (tuy nhiên bị cáo còn 07 anh chị khác). Bị cáo L cho rằng gia đình khó khăn, có 03 người em con nhỏ, phải nuôi mẹ bệnh khớp (Thực tế bị cáo có 02 người em đã thành niên), các bị cáo không cung cấp xác nhận về hoàn cảnh gia đình để xem xét, bị cáo L có cậu là liệt sỹ đã được cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng. Ngoài ra các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác có ý nghĩa để xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T phạm vào nhiều tình tiết định khung tăng nặng. Với mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với mỗi bị cáo là đã có xem xét cho mỗi bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phù hợp, cũng như Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2018/HSST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Hồng T, Nguyễn Hữu L phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; Điều 20; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Trần Văn Hồng T** (T Đầu Lép) 02 (hai) năm 06 (tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2017;

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 20; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu L** (L Ma) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2017;

[2]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội; các bị cáo Trần Văn Hồng T, Nguyễn Hữu L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND, Công an huyện Bình Đại (2b);
- Nhà tạm giữ CA huyện Bình Đại, các bị cáo (4b);
- TAND huyện Bình Đại (3b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- UBND phường K, tp. T (1b);
- UBND xã P -Đ - T (1b);
- Vụ GDKT I, TANDTC (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Tỉnh